

Bản án số 119/2024/DS-PT
Ngày: 12/8/2024
V/v tranh chấp xử lý tài sản đảm bảo

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quý My và ông Hoàng Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp xử lý tài sản đảm bảo.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/QĐPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức V sinh năm 1974 và bà Vũ Thị L sinh năm 1977 (vợ ông V)

Đều cùng địa chỉ: Số nhà A, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (đều có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Lưu Bình D, Văn phòng Luật sư Dương Tuấn G thuộc đoàn luật sư tỉnh T (vắng mặt gửi bài phát biểu).

2. Bị đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A1)

Địa chỉ: Tầng A, 2, 3 tòa nhà G, số C, phố H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K- Chủ tịch Hội đồng Quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

2.1. Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1986; Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

2.2. Anh Lê Đức M, sinh năm 1989; Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

(Văn bản ủy quyền số 671/UQ-TGD.22 ngày 09/03/2022, bà H, ông M đều có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Đức D1, sinh năm 2001 (con ông V và bà L)

3.2. Chị Nguyễn Thị Hà V1, sinh năm 2005 (con ông V và bà L)

Đều cùng địa chỉ: Số nhà A, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (đều vắng mặt).

3.3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, Chi nhánh T2, phòng G2

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Đăng K1, sinh năm 1986; Trưởng phòng G3;

Địa chỉ: Số A đường D, tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (ông K1 có mặt).

3.4. Công ty Đ chi nhánh M2;

Địa chỉ: Số I P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng G1, chức vụ: Giám đốc Công ty Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.5. Anh Lý Mạnh L1 sinh năm 1993 và vợ là chị Nguyễn Thị Thùy D2 sinh năm 1997;

Đều cùng địa chỉ: Xóm N, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là người đang quản lý, sử dụng thửa đất đấu giá của ông V (có mặt anh L1; chị D2 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L trình bày: Ngày 8/6/2015, vợ chồng ông bà có ký Hợp đồng vay Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh T2 2 khoản tiền trị giá 800.000.000đ. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thửa số 168, tờ bản đồ số 21, diện tích 165,9m², theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh T cấp ngày 27/6/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Đức V. Tài sản là nhà cấp 4 và đất được định giá là 1.128.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông V, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nguyên nhân quá hạn là do ông V, bà L kinh doanh do dịch bệnh Covid nên công việc làm ăn khó khăn, ông V, bà L không có khả năng trả nợ. Ngân hàng làm thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm, gia đình không nhất trí và đề nghị gia hạn thêm, tuy nhiên ngân hàng không đồng ý và cũng không có ý kiến trả lời.

Đến ngày 18/02/2021, ông thấy tài khoản tại Ngân hàng TMCP A có số tiền 159.748.332đ với nội dung chuyển tiền còn thừa thu nợ gốc, lãi. Ông không biết đây là tiền gì và cũng không hỏi lại Ngân hàng. Việc Ngân hàng TMCP A thu giữ, bán tài sản ông và các thành viên trong gia đình không được biết, không được nhận giấy tờ về việc thu giữ, bán đấu giá tài sản nhà và đất nêu trên là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, vợ chồng ông khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố việc Ngân hàng A tự ý xử lý tài sản bảo đảm khoản vay theo hợp đồng tín dụng là trái pháp luật, xác định việc xử lý tài sản bảo đảm của Ngân

hàng TMCP A là vô hiệu; Buộc Ngân hàng A trả lại tài sản thu hồi trái pháp luật là quyền sử dụng đất mà ông đã thế chấp.

- Tuyên hợp đồng bán đấu giá tài sản của Ngân hàng TMCP A và Công ty Đ, chi nhánh miền B cho bà Trần Thị Thu H1 trái pháp luật; Buộc Ngân hàng A bồi thường tài sản bị phá hỏng do Ngân hàng bán trái pháp luật gây ra với số tiền 200.000.000đ.

Bị đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn Đức V và Ngân hàng TMCP A đã ký kết Hợp đồng tín dụng (trung và dài hạn) số 2434/15/TD-TT/XVIII ngày 08/06/2015 với số tiền vay: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút tiền lần đầu; Lãi suất trong hạn: 9,5%/năm theo Giấy nhận nợ số 2434/15/TD-TT/XVIII.01 ngày 10/06/2015; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn và ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 503/16/TD/XVIII ngày 21/07/2016 với số tiền vay: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động - kinh doanh quần áo; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu; Lãi suất trong hạn: 10,9%/năm theo Giấy nhận nợ số 503/16/TD/XVIII.02 ngày 19/01/2017 và Giấy nhận nợ số 503/16/TD/XVIII.03 ngày 21/01/2017; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. A1 đã giải ngân số tiền 400.000.000đ theo Giấy nhận nợ số 2434/15/TD. TTXVHL01 ngày 10/06/2015, số tiền 200.000.000đ theo Giấy nhận nợ số 503/16/TD/XVIII.02 ngày 19/01/2017 và số tiền 200.000.000đ theo Giấy nhận nợ số 503/16/TD/XVIII.03 ngày 21/01/2017.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên tại A1, hộ gia đình ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ 21, diện tích 165,90m², theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do UBND tỉnh T cấp ngày 27/06/2001 cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức V.

Sau khi vay vốn, ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng. A1 đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tiếp tục vi phạm cam kết trả nợ gây thiệt hại cho A1. Ngày 12/05/2020, A1 đã gửi thông báo số 746/CV - TGD.20 ngày 11/05/2020 đề nghị hộ gia đình ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ. Tuy nhiên sau khi nhận được thông báo, hộ gia đình ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho A1 theo quy định. Căn cứ theo Nghị quyết 42/2014/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; Các quy định của pháp luật có liên quan và Hợp đồng thế chấp đã ký, A1 quyết định thu giữ tài sản bảo đảm trên để xử lý thu hồi nợ theo Quyết định số 863/CV-TGD.20 ngày 29/05/2020.

Ngày 19/06/2020, A1 và hộ gia đình ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L ký kết Biên bản bàn giao tài sản bảo đảm thống nhất lộ trình thanh toán cụ thể với nội dung như sau: “Chậm nhất đến hết ngày **30/06/2022** thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi để tất toán khoản vay”. Kể từ thời điểm bàn giao ngày 19/06/2020, ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L vẫn không thực hiện được phương án giải chấp tài sản bảo đảm. Vì vậy căn cứ thỏa thuận tại Biên bản bàn giao tài sản ngày 19/06/2020, A1 tiếp tục ra quyết định thu giữ tài sản. Trước sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương tại nơi có tài sản bảo đảm là UBND phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, A1 đã thu giữ tài sản bảo đảm nêu trên để xử lý theo đúng các quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định của pháp luật liên quan về xử lý tài sản bảo đảm, A1 và Công ty Đ - Chi nhánh M2 đã tiến hành ký kết Hợp đồng dịch vụ Đấu giá tài sản số 12.03/HĐĐG-VAAMB ngày 03/12/2020 và Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Đấu giá tài sản số 12.03A/2020/HĐĐG-VAAMB ngày 30/12/2020 để tiến hành đấu giá tài sản là: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ 21, diện tích 165,90m², mục đích sử dụng T, địa chỉ thửa đất phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do UBND tỉnh T cấp ngày 27/06/2001 cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức V. Công ty Đ - Chi nhánh M2 đã tiến hành các thủ tục thông báo và niêm yết công khai đấu giá theo đúng quy định pháp luật về đấu giá tài sản hiện hành. Căn cứ theo Biên bản đấu giá số 12.03A/2020/BBĐG-VAAMB, khách hàng Trần Thị Thu H1 với mức trả giá 897.860.000đ (T trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng) đã trúng đấu giá tài sản nêu trên. A1 cùng Công ty Đ - Chi nhánh M2 đã thực hiện các thủ tục bàn giao, chuyển nhượng tài sản cho khách hàng Trần Thị Thu H1 theo đúng quy định của pháp luật. Việc A1 tiến hành xử lý tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp đã ký kết, cùng với việc Công ty Đ - Chi nhánh M2 tiến hành đấu giá tài sản bảo đảm là hoàn toàn đúng với các quy định của pháp luật hiện hành.

Sau khi đấu giá tài sản được 897.860.000đ, Ngân hàng đã thực hiện việc tất toán khoản vay của ông V bà L và trừ chi phí đấu giá, còn thừa 159.748.332đ, Ngân hàng đã chuyển khoản trả cho ông V. Do đó Ngân hàng không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án: Tuyên bố Ngân hàng A tự ý xử lý tài sản bảo đảm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng là trái pháp luật, việc xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng là vô hiệu; buộc N An Bình hàng trả lại tài sản thu hồi trái pháp luật là quyền sử dụng đất thế chấp; Tuyên bố hợp đồng bán đấu giá tài sản của Ngân hàng A và Công ty Đ - Chi nhánh M2 là trái pháp luật; Buộc Ngân hàng A bồi thường tài sản bị phá hỏng do Ngân hàng bán tài sản trái pháp luật gây ra với số tiền 200.000.000đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Công ty Đ, Chi nhánh miền bắc trình bày: Công ty được Ngân hàng TMCP A lựa chọn là đơn vị cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản đối với tài sản thế

chấp của hộ ông Nguyễn Đức V tại ngân hàng TMCP A do đó công ty Đ đã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá với Ngân hàng thương mại cổ phần A. Công ty Đ đã ký hợp đồng đấu giá với Ngân hàng A với giá khởi điểm Ngân hàng đưa ra là 995.400.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá với Ngân hàng TMCP A là đúng quy định của pháp luật vì việc xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L đã được Ngân hàng TMCP A thực hiện theo đúng thỏa thuận của các bên đã ký trong hợp đồng thế chấp, đúng quy định của Nghị quyết 42/2017/QH của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng. Sau ký hợp đồng dịch vụ đấu giá với Ngân hàng A thì công ty Đ chi nhánh miền bắc đã tổ chức thực hiện việc đấu giá công khai, minh bạch bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016. Do đó ông V bà L yêu cầu tuyên bố hợp đồng đấu giá tài sản của Ngân hàng TMCP A và công ty Đ chi nhánh miền bắc trái pháp luật là không có căn cứ.

- Anh Nguyễn Đức D1 (con ông V) trình bày: Do có nhu cầu vay vốn nên gia đình anh đã vay của Ngân hàng TMCP A chi nhánh T2 tổng số tiền theo hợp đồng tín dụng là 800.000.000đ và để đảm bảo các khoản vay gia đình anh đã ký hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất 168, tờ bản đồ số 21, phường P đã được cấp GCN QSD đất số T697268 do UBND tỉnh T cấp ngày 27/6/2001 cho hộ ông Nguyễn Đức V. Tài sản gắn liền với đất không ghi, tổng giá trị tài sản bảo đảm là 1.128.000.000 đồng. Nhưng việc làm ăn kinh doanh không thuận lợi nên chưa kịp thanh toán hợp đồng tín dụng nhưng vẫn trong hạn mức tín dụng ngày cuối cùng là 21/7/2021 thì bên ngân hàng đã đơn phương ban hành thông báo thu hồi tài sản thế chấp, gia đình anh không nhất trí, yêu cầu gia hạn thanh toán, ngày 19/6/2020 ngân hàng đã đơn phương gặp bố mẹ anh ký biên bản bàn giao nhà thì bố tôi có đề nghị gia hạn tất toán từ ngày 30/6/2020 thành 30/7/2020, anh và em gái anh không được ký bàn giao tài sản thế chấp. Ngày 23/9/2020, bên ngân hàng đến tự ý lập biên bản thu giữ tài sản bảo đảm nhưng không thành viên nào trong gia đình anh đồng ý bàn giao. Do đó việc thu giữ tài sản thế chấp khi gia đình anh vẫn quản lý sử dụng và chưa bàn giao là vi phạm pháp luật dẫn đến việc ký hợp đồng bán đấu giá tài sản thế chấp của gia đình anh cũng là trái pháp luật, việc bán đấu giá tài sản gia đình anh mất gần 2/3 giá trị thực làm cho gia đình bị thiệt hại nghiêm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của bố mẹ anh là ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L, về phía gia đình anh có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền vay ngân hàng theo quy định của hợp đồng khi Ngân hàng yêu cầu và Tòa án công nhận.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần A, Chi nhánh T2, phòng G3 với ý kiến quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP A.

- Anh Lý Mạnh L1 và chị Nguyễn Thùy D2 trình bày: Việc anh chị mua bán thửa đất số 168, tờ bản đồ 21, phường P, thành phố T của bà Trần Thị Thu T1 là ngay tình, đúng quy định của pháp luật và đã được Sở tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/8/2021 là

đồng sở hữu, ngày 13/9/2022 cấp lại mang tên hai vợ chồng anh chị, anh chị không biết tài sản đó là được xử lý bảo đảm qua Ngân hàng, do đó đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng anh chị theo quy định của pháp luật.

- Phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung trên tại bản án số 46/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 264 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 116, 117, 119, 133, 299, 300, 301; điểm a khoản 1 Điều 303; Điều 304 và Điều 319 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, 7, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 40, 42, 44, 45, 46, Luật đấu giá tài sản năm 2016; Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai; Điều 4, 7 và Điều 8 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội; Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L về việc: Tuyên bố việc Ngân hàng A tự ý xử lý tài sản bảo đảm khoản vay theo hợp đồng tín dụng là trái pháp luật, việc xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng là vô hiệu; Buộc Ngân hàng A trả lại tài sản thu hồi trái pháp luật là quyền sử dụng đất thế chấp; Tuyên hợp đồng bán đấu giá tài sản của Ngân hàng A và Công ty Đ, Chi nhánh miền B cho bà Trần Thị Thu H1 trái pháp luật; Buộc Ngân hàng A bồi thường tài sản bị phá hỏng do Ngân hàng bán trái pháp luật gây ra với số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2023 ông Nguyễn Đức V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông V giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức V giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Vợ chồng ông Nguyễn Đức V và Ngân hàng TMCP A (sau đây viết tắt là A1) đã ký kết các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng (trung và dài hạn) số 2434/15/TD-TT/XVIII ngày 08/06/2015 để vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), Mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút tiền lần đầu; Lãi suất trong hạn: 9,5%/năm theo Giấy nhận nợ số 2434/15/TD-TT/XVIII.01 ngày 10/06/2015; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 503/16/TD/XVIII ngày 21/07/2016 vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động-kinh doanh quần áo; Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu; Lãi suất trong hạn: 10,9%/năm theo Giấy nhận nợ số 503/16/TD/XVIII02 ngày 19/01/2017 và Giấy nhận nợ số 503/16/TD/XVIII.03 ngày 21/01/2017; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. A1 đã giải ngân số tiền 800.000.000đ theo các Giấy nhận nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên tại A1, hộ gia đình ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L đã ký Hợp đồng thế chấp ngày 08/06/2015; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp ngày 21/07/2016 tại Phòng C tỉnh Thái Nguyên. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ 21, diện tích 165,90m², mục đích sử dụng: T, địa chỉ thửa đất tại phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do UBND tỉnh T cấp ngày 27/06/2001 cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức V là đúng sự thật đều được các bên thừa nhận.

[2]. Sau khi vay tiền, ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị L, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. A1 đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông V thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, ông V và bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy Ngân hàng đã xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông V theo quy định tại Điều 299 và Điều 323 của Bộ luật dân sự và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội là đúng quy định của pháp luật. Nay ông V khởi kiện cho rằng Ngân hàng tự ý xử lý tài sản đảm bảo của ông là trái pháp luật và đề nghị Ngân hàng phải trả lại ông tài sản đã thu hồi cũng như buộc Ngân hàng phải bồi thường tài sản do Ngân hàng bán trái pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào các quy định của pháp luật bác yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ.

[3]. Tại phiên toà phúc thẩm ông V kháng cáo cũng như Luật sư gửi bài phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông V là không có căn cứ.

[4]. Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức V.

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông V đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0002082 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND TP Thái Nguyên;
- UBND phường Phan Đình Phùng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quế

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quý M1 - H

Nguyễn Văn Q

